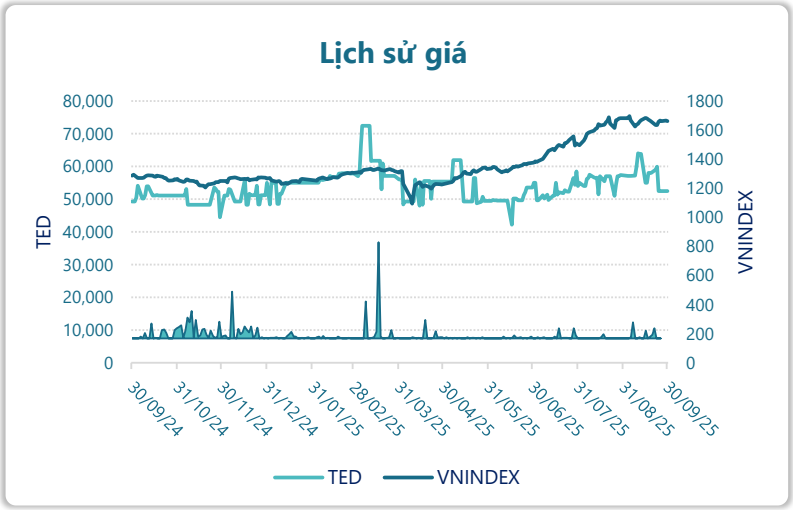
FireAnt

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (UPCOM: TED)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**52,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	72,436
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,206
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
% sở hữu nước ngoài	35.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	656
P/E	8.9
EPS	5,924

DT thuần

Q3/25

253

tỷ VNĐ

QoQ: ▼178| -41.4%

YoY: ▼42.0| -14.3%

LN sau thuế

Q3/25

14.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.30| -30.0%

YoY: ▼4.60| -23.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.4%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

9T 2025

1,148

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 235| 25.8%

LN sau thuế

9T 2025

72.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.1| 24.3%

ROE

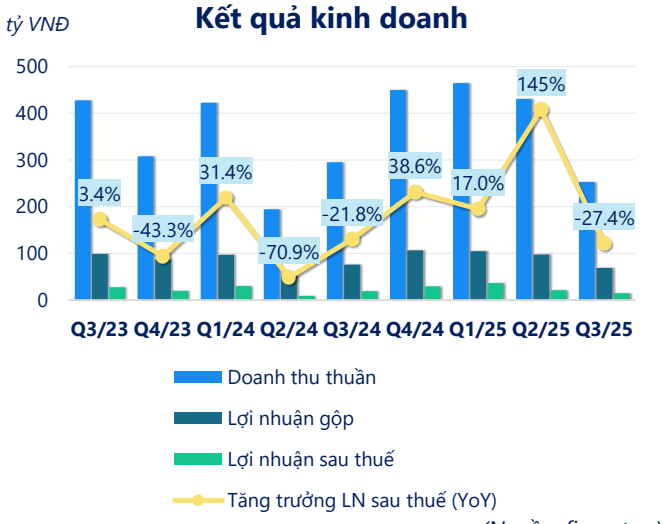
Q3/25

21.2%

+/- YoY: ▲ 3.9%

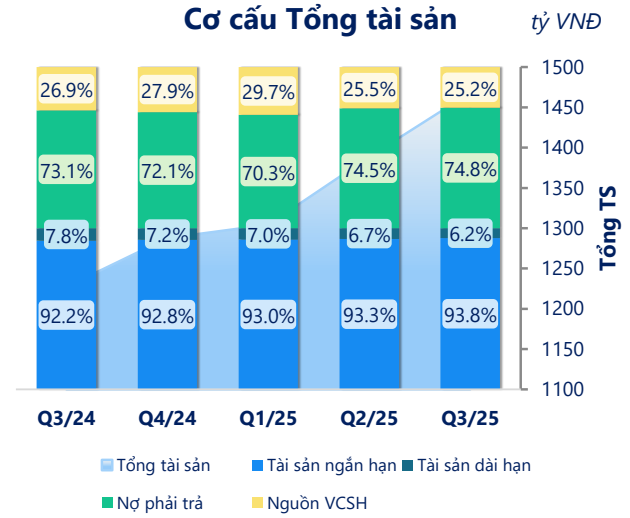
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



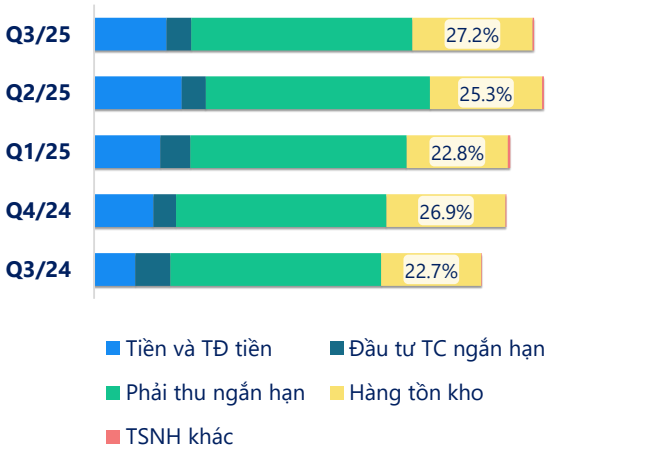
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



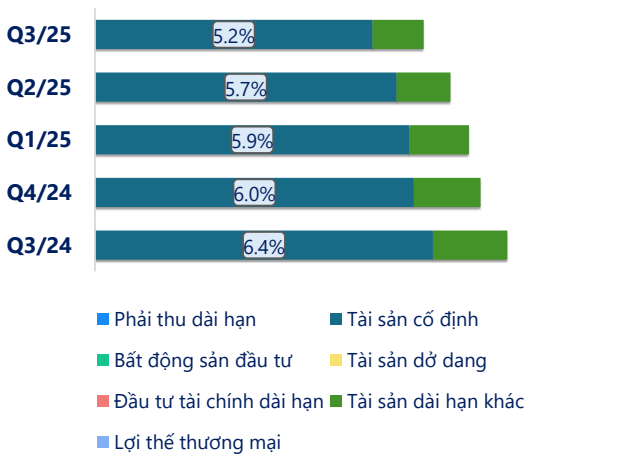
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



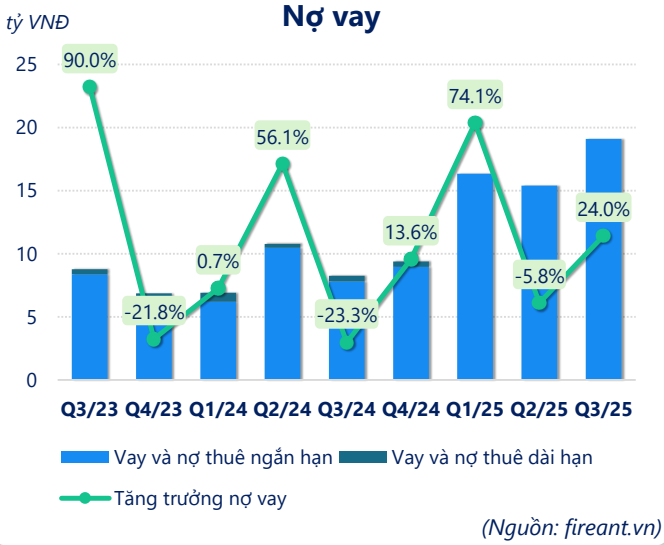
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



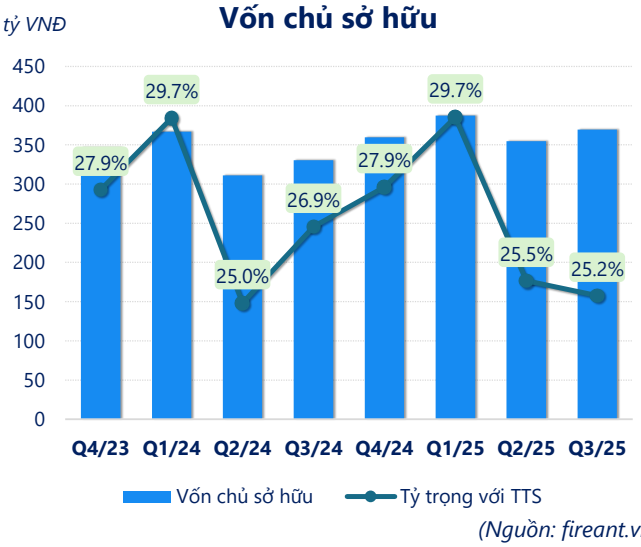
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



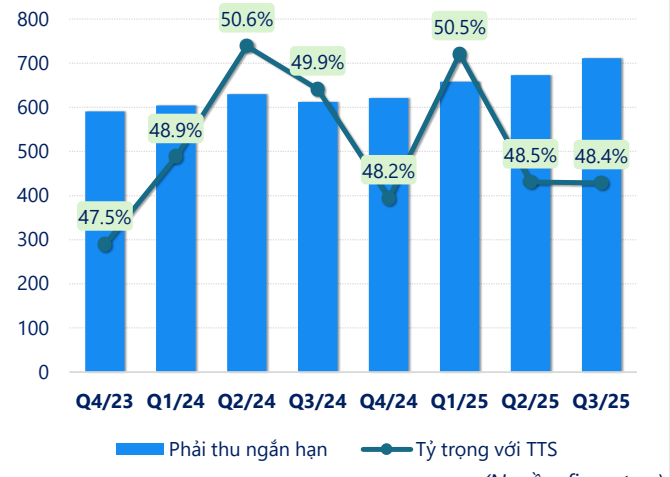
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



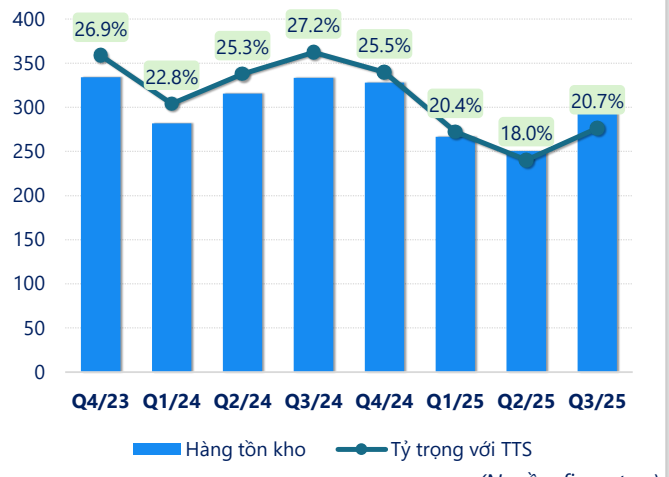
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



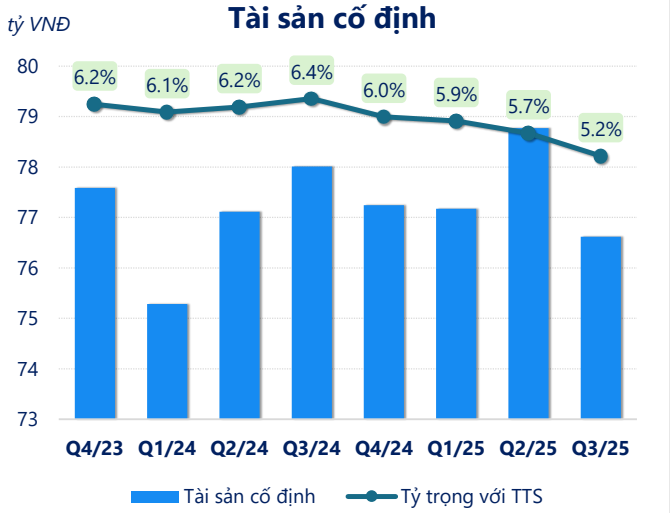
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



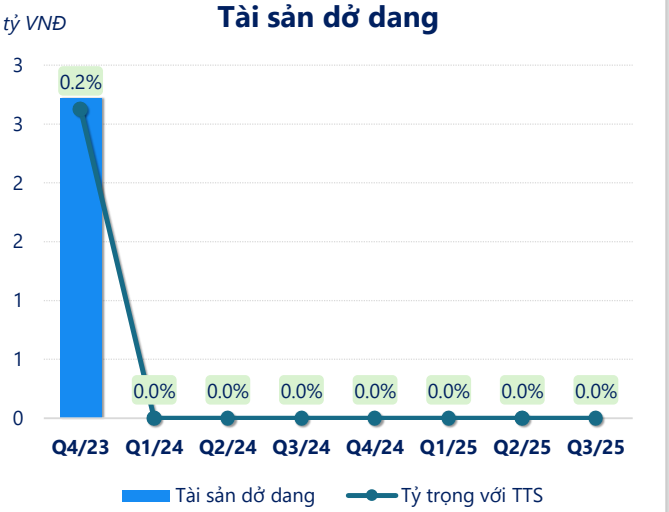
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



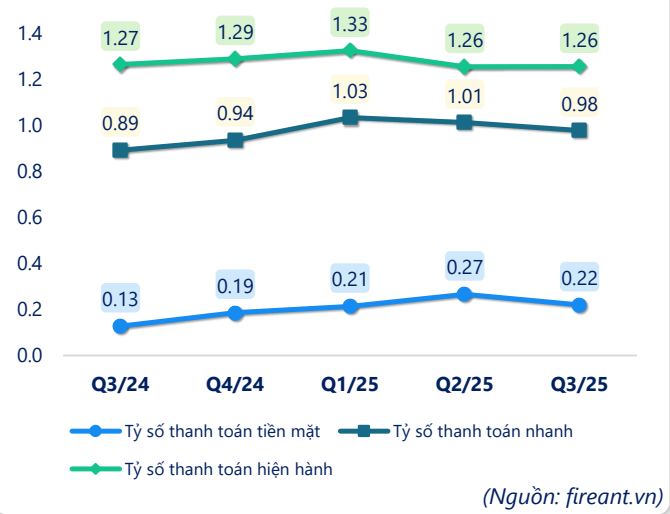
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



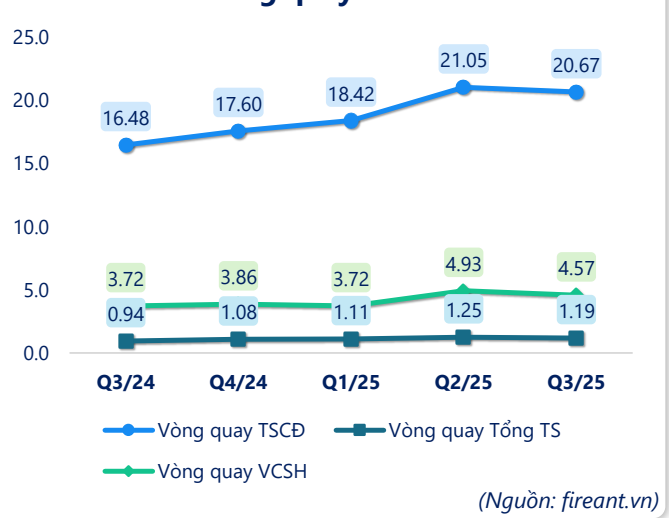
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,227**	**1,288**	**1,305**	**1,389**	**1,468**
Tài sản ngắn hạn	**1,132**	**1,194**	**1,213**	**1,296**	**1,377**
Tiền và tương đương tiền	114	173	195	275	241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.7	67.8	87.6	97.2	115
Phải thu ngắn hạn	612	621	658	673	711
Hàng tồn kho	333	328	266	250	304
Tài sản ngắn hạn khác	4.36	4.77	5.33	0.88	6.43
Tài sản dài hạn	**95.2**	**93.3**	**91.8**	**92.9**	**90.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	78.0	77.2	77.2	78.8	76.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.1	16.1	14.6	14.1	14.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**897**	**928**	**917**	**1,034**	**1,099**
Nợ ngắn hạn	**895**	**926**	**915**	**1,032**	**1,097**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.79	8.97	16.3	15.4	19.1
Phải trả người bán ngắn hạn	74.4	85.1	80.8	83.0	86.2
Nợ dài hạn	2.06	2.11	2.09	1.87	1.92
Vay và nợ thuê dài hạn	0.47	0.41	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**330**	**360**	**387**	**355**	**369**
Vốn chủ sở hữu	**330**	**360**	**387**	**355**	**369**
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)